

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 124/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 31-12-2024.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Phạm Thị Thu Vân.

+ Ông Đoàn Văn Em.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Ông Phan Trọng Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 207/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/12/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Đoàn Thị Thúy H** - Sinh năm: 1984, địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông **Lữ Văn T** - Sinh năm: 1983; địa chỉ: Ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Đoàn Thị Thúy H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lữ Văn T kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện M (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre vào ngày 15/8/2003 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, bà và ông T chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi làm cho cuộc sống của vợ chồng

không còn hạnh phúc; bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2023 cho đến nay. Bà H cho rằng hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể đoàn tụ được để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với ông T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Bà và ông trọng có hai người con chung là: Lữ Khánh V - Sinh ngày 06/11/2003, Lữ Đoàn N - Sinh ngày 17/12/2012. Khánh V đã thành niên, có khả năng lao động nên bà H không có yêu cầu gì liên quan đến người con này. Riêng người con nhỏ là Như Ý hiện đang sống chung với bà nên khi ly hôn bà H yêu cầu được quyền nuôi người con này (N), không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H trình bày là không có.

Bị đơn là ông Lữ Văn T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa:

Bà Đoàn Thị Thúy H giữ nguyên lời trình bày, yêu cầu khởi kiện như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm; ông Lữ Văn T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá lời trình bày của đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

(1) *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đoàn Thị Thúy H được ly hôn với ông Lữ Văn T.

(2) *Về con chung:* Giao cho bà Đoàn Thị Thúy H được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung chưa thành niên giữa bà với ông T là: Lữ Đoàn Như Ý - Sinh ngày 17/12/2012 (hiện đang sống chung với bà H), ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu; riêng người con lớn là Lữ Khánh V - Sinh ngày 06/11/2003 đã thành niên, có khả năng lao động, bà H, ông T không có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết.

(3) *Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung:* Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn là ông T có địa chỉ tại: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải vào ngày 31/10/2024, đồng thời bà H có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Bà H, ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện M (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre vào ngày 15/8/2003, việc kết hôn là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[3.2] Trên cơ sở lời trình bày của bà H, biên bản xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được bà H và ông T có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2023 đến nay mà không đoàn tụ được, giữa ông, bà không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà mạnh ai nấy sống, ông T không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích đoàn tụ, trong khi đó bà H kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông T; từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà H với ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà H về việc ly hôn với ông T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà H yêu cầu nuôi người con chung chưa thành niên giữa bà với ông T là: Lữ Đoàn Như Ý - Sinh ngày 17/12/2012, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, ông T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến có liên quan đến việc nuôi con, trong khi đó cháu Như Ý đang sống chung với bà H và có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống chung với bà H nên giao cho bà H tiếp tục nuôi cháu Như Ý, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu. Riêng người con lớn giữa bà H với ông T là Lữ Khánh V - Sinh ngày 06/11/2003 đã thành niên, có khả năng lao động, bà H, ông T không có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung và trình bày là không có nợ; ông T vắng mặt và không có văn bản yêu cầu gì về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, nợ chung. Đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên bà phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thúy H, cụ thể:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Thúy H được ly hôn với ông Lữ Văn T.

2/ Về con chung:

Bà Đoàn Thị Thúy H được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung chưa thành niên giữa bà với ông Lữ Văn T là: Lữ Đoàn Như Ý - Sinh ngày 17/12/2012 (hiện đang sống chung với bà H) cho đến khi người con này đủ mười tám tuổi. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

Ông Lữ Văn T có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà H có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Vì lợi ích của con chung, bà H, ông T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Riêng người con lớn giữa bà H với ông T là Lữ Khánh V - Sinh ngày 06/11/2003, đã thành niên, có khả năng lao động, bà H, ông T không có yêu cầu gì liên quan đến người con này nên không xem xét, giải quyết.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Thúy H phải chịu 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000VNĐ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004514 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Bà Đoàn Thị Thúy H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; riêng ông Lữ Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Khánh Thạnh Tân;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên